TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh P**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: "Tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn T

Ông Nguyễn Việt T

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982. (*vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1974. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Khê.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Thiều Thị C, sinh năm 1970 – chức vụ: giám đốc phòng giao dịch T *(vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X – Chức vụ giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S thống nhất trình bày đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2006 tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận cho được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/4/2023, không quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S. Anh S cũng nhất trí ly hôn với chị L vì tình cảm không còn.

2. Về con chung:

Vợ chồng Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S có 3 con chung là: cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 30/01/2022. Hiện nay cháu M và cháu N đang ở với anh S, còn cháu P đang ở với chị L.

Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu P còn để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Ly hôn anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và anh không yêu cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015 đều có nguyện vọng xin ở với anh S nếu vợ chồng chị L, anh S ly hôn.

Về tài sản chung: 01 ngôi nhà, xây năm 2016, diện tích 121m^2. Nhà xây trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu 1 (nay là khu D), xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Được Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh Nguyễn Hữu S ngày 01/10/2014. Nguồn gốc thửa đất là của bố đẻ anh S là ông Nguyễn Hữu H và mẹ đẻ anh S là

bà Hà Thị C cho riêng anh S. Chị L và anh S thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết đối với thửa đất. Trị giá ngôi nhà: 375.100.000đồng.

Trong nhà có các tài sản: 01 Tivi Samsung 43inch, trị giá 2.000.000đồng; 01 Tủ lạnh Samsung 480L, trị giá 4.000.000đồng; 01 Điều hòa Daikin 9000BTU, trị giá 3.000.000đồng; 01 Máy giặt Toshiba 10kg, trị giá 1.500.000đồng; 01 Bộ loa (gồm 02 loa đơn), trị giá 500.000đồng; Các tài sản khác gồm: Quán sửa xe, diện tích: 62,5m^2, trị giá: 50.000.000đồng; Sân lát gạch đỏ, diện tích 123,4m^2, trị giá 14.808.000đồng; Mái sân, diện tích 61,2m^2, trị giá 15.300.000đồng; Khu vực kho, nhà vệ sinh, diện tích 31,3m^2, trị giá 25.040.000đồng; Khu vực chuồng trại sau nhà, diện tích 30m^2, trị giá 13.500.00đồng; Cổng (trụ cổng + cánh cổng), trị giá 3.000.000đồng; Lối bê tông từ cổng vào sân, diện tích 45m^2, trị giá 4.050.000đồng; Hàng rào song sắt dài 9,34m, trị giá 4.203.000đồng; Các cây cối trên đất gồm: 02 cây mít, phi 18cm, trị giá 250.000đ/01 cây x 02 cây = 500.000đồng; 01 cây mít phi 4cm trị giá 150.000đồng; 02 cây bưởi đường kính 10 cm/cây, trị giá 350.000đồng/cây x 02 cây = 700.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 15cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính 4cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây na đường kính 15cm, trị giá 300.000đồng; 01 cây khê đường kính 25cm, trị giá 300.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là: 518.251.000 đồng.

Ly hôn chị L đề nghị để anh S được sử dụng toàn bộ tài sản trên và trả toàn bộ số nợ chung của hai vợ chồng.

Ly hôn anh S đề nghị được sử dụng toàn bộ tài sản trên và anh sẽ thanh toán 259.125.500 đồng cho chị L.

- *Về nghĩa vụ chung về tài sản*:

Chị L và anh S trình bày vợ chồng có nợ:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Cẩm Khê, Phú Thọ Phòng giao dịch T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Theo hợp đồng tín dụng số 2712LAV202400609 ngày 19/03/2024, do anh S trực tiếp đứng ra ký hợp đồng, chị L ủy quyền cho anh S.

+, Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) ngày 18/05/2021.

Ly hôn chị L đề nghị anh S trả toàn bộ số nợ trên, anh S đề nghị chia đôi số nợ trên.

- *Về công sức:* Anh S và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Cẩm Khê do bà Thiều Thị C – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch TNgân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Khê vắng mặt nH có quan điểm trình bày: Ngày 19/3/2024 gia đình ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 2712-LAV-202400609 với Agribank Chi nhánh huyện Cẩm Khê Phú Thọ, Phòng giao dịch Tvay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); Mục đích vay: Kinh doanh xe máy cũ, máy nông nghiệp, phụ tùng xe máy; Thời hạn của hạn mức là 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên anh chị thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, diện tích 741,2m^2 (Trong đó có 287 m^2 đất ở và 454,2m^2 đất trồng cây lâu năm) và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số BQ 865672 do UBND huyện Cẩm Khê cấp ngày 01/10/2014 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu S. Đến thời điểm ngày 30/9/2024 ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị L còn nợ Agribank Chi nhánh huyện Cẩm Khê Phú Thọ, Phòng giao dịch Tvay số tiền 600.460.274đ (Sáu trăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng), trong đó có 600.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 460.274 đồng; ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 01/10/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu S ly hôn, Ngân hàng yêu cầu người nào được quyền sở hữu tài sản thế chấp nói trên phải có trách Nệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp người có nghĩa vụ trả nợ không thực hiện trả nợ đầy đủ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền phát mại và xử L tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu nợ và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê duy trì Hợp đồng thế chấp số 202401051/HĐTC gồm 10 trang ngày 15/3/2024 đã được ký kết giữa hai bên để đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ cho ngân hàng.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là ông Nguyễn Văn X có quan điểm vắng mặt có đơn xét xử giải quyết vắng mặt trình bày: Ngày 18/5/2021, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đều có địa chỉ: Khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ vay vốn hộ cận nghèo với số tiền 90.000.000đồng, lãi suất 7,92%/năm, thời gian vay: 59 tháng

đến ngày 18/4/2026, mục đích vay để mua bò và mở cửa hàng sửa xe, lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 234.345đồng; Đến ngày 26/3/2023 anh chị tiếp tục vay vốn nước sạch vệ sinh môi trường số tiền vay là 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 60 tháng ngày đến hạn là 18/10/2028, mục đích cấp vốn vay là để khoan giếng và xây bể phốt, nợ gốc còn lại là: 20.000.000đ, lãi tính đến ngày 30/9/2024 phải là 59.178đ. Tổng cộng là 110.000.000 đồng và lãi đến ngày 30/9/2024 phải là 293.523đồng. Hàng tháng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đã thực hiện trả lãi theo quy định của Ngân hàng, quy ước của Ban quản L tổ tiết kiệm và vay vốn. Nay chị L, anh S ly hôn, ngân hàng không yêu cầu độc lập 02 khoản vay và đề nghị Tòa án buộc chị L, anh S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vì đây là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy Nên nếu chị L, anh S thường xuyên không có mặt tại địa phương, trong trường hợp này và để thuận tiện cho địa phương cùng Ngân hàng trong việc thu hồi gốc khi đến hạn, thu hồi nợ lãi hàng tháng đảm bảo được quyền lợi cho Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị L, anh S có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh đối với 02 khoản vay trên cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nH các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 33, 37, 38, 58, 59, 60, 62, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 30/01/2022. Anh Nguyễn Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đều có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Nguyễn Hữu S được quyền sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà, xây năm 2016, diện tích 121m^2. Nhà xây trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu 1 (nay là khu D), xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Được Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh Nguyễn Hữu S ngày 01/10/2014. Nguồn gốc thửa đất là của bố đẻ anh S là ông Nguyễn Hữu H và mẹ đẻ anh S là bà Hà Thị C cho riêng anh S. Trị giá ngôi nhà: 375.100.000 đồng.

Trong nhà có các tài sản: 01 Tivi Samsung 43inch, trị giá 2.000.000đồng; 01 Tủ lạnh Samsung 480L, trị giá 4.000.000đồng; 01 Điều hòa Daikin 9000BTU, trị giá 3.000.000đồng; 01 Máy giặt Toshiba 10kg, trị giá 1.500.000đồng; 01 Bộ loa (gồm 02 loa đơn), trị giá 500.000đồng.

- Quán sửa xe, diện tích: 62,4m^2, trị giá: 50.000.000đồng
- Sân lát gạch đỏ, diện tích 123,4m^2, trị giá 14.808.000đồng
- Mái sân, diện tích 61,2m^2, trị giá 15.300.000đồng
- Khu vực kho, nhà vệ sinh, diện tích 31,3m^2, trị giá 25.040.000đồng
- Khu vực chuồng trại sau nhà, diện tích 30m^2, trị giá 13.500.00đồng
- Cổng (trụ cổng + cánh cổng), trị giá 3.000.000đồng
- Lối bê tông từ cổng vào sân, diện tích 45m^2, trị giá 4.050.000đồng
- Hàng rào song sắt dài 9,34m, trị giá 4.203.000đồng
- Các cây cối trên đất gồm: 02 cây mít, phi 18cm, trị giá 250.000đ/01 cây x 02 cây = 500.000đồng; 01 cây mít phi 4cm trị giá 150.000đồng; 02 cây bưởi đường kính 10 cm/cây, trị giá 350.000đồng/cây x 02 cây = 700.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 15cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính 4cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây na đường kính 15cm, trị giá 300.000đồng; 01 cây khê đường kính 25cm, trị giá 300.000đồng

Tổng giá trị các tài sản trên là: 518.251.000đồng.

Chị L được nhận số tiền 259.125.500 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) thanh toán chênh lệch về tài sản của anh Nguyễn Hữu S.

Về nợ chung:

Giao cho anh Nguyễn Hữu S có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cẩm Khê – Phòng giao dịch Tsố tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2024 là 460.274 đồng, tổng cộng là 600.460.274 đồng. Duy trì Hợp đồng thế chấp số 202401051/HĐTC gồm 10 trang ngày 15/3/2024. Kể từ khi ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Hữu S phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê số tiền nợ gốc là 110.000.000đ, bao gồm 02 khoản: số tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay số 6600000720633867 đến ngày 30/9/2024 là 234.345đồng, hạn trả nợ 18/4/2026; số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay 6600000726562633 đến ngày 30/9/2024 là 59.178đồng, hạn trả nợ 18/10/2028. Tiếp tục duy trì 02 hợp đồng vay số 66600000720633867 và số 600000726562633. Kể từ khi ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Hữu S phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

Chị L có trách Nệm thanh toán tiền chênh lệch đối với khoản nợ chung của vợ chồng cho anh S là 355.376.898đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chin mươi tám đồng).

Đối trừ thanh toán chênh lệch tài sản chung và chênh lệch công nợ chung thì chị L còn phải thanh toán cho anh S số tiền là: 96.251.398đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Chị L và anh S thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L và anh S phải chịu án phí tương ứng đối với phần giá trị tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh Nguyễn Hữu S có nơi cư trú tại Khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ L, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2006 tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh P được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/4/2023. Chị L đã thuê nhà ở xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê ở từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L xin được ly hôn với anh S để giải phóng cho nhau. Anh S cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị L và anh S không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cả hai bên đều nhất trí ly hôn là có căn cứ cần công nhận sự thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung: cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 30/01/2022. Hiện nay cháu M và cháu N đang ở với anh S, còn cháu P đang ở với chị L.

Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu P còn để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Ly hôn anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và anh không yêu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị L, anh S đều chính đáng. Hiện cháu M và cháu N đang ở với anh S, còn cháu P đang ở với chị L, để đảm bảo cho con chung ổn định cuộc sống, học tập, phát triển toàn diện. Do cháu P còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 30/01/2022 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L và anh S đều không yêu cầu phải cấp dưỡng cho nhau là phù hợp với thực tế và điều kiện hoàn cảnh của các bên.

[2.3]. Về tài sản chung:

Chị L và anh S đều xác định vợ chồng tài sản chung, đã được định giá, quá trình giải quyết vụ án xác định được tổng giá trị các tài sản là 518.251.000đồng (Năm trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng), bao gồm các tài sản: 01 ngôi nhà, xây năm 2016, diện tích 121m^2. Nhà xây trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu 1 (nay là khu D), xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Được Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh Nguyễn Hữu S ngày 01/10/2014. Nguồn gốc thửa đất là của bố đẻ anh S là ông Nguyễn Hữu H và mẹ đẻ anh S là bà Hà Thị C cho riêng anh S. Chị L và anh S thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết đối với thửa đất. Trị giá ngôi nhà: 375.100.000đồng. Trong nhà có các tài sản: 01 Tivi Samsung 43inch, trị giá 2.000.000đồng; 01 Tủ lạnh Samsung 480L, trị giá 4.000.000đồng; 01 Điều hòa Daikin 9000BTU, trị giá 3.000.000đồng; 01 Máy giặt Toshiba 10kg, trị giá 1.500.000đồng; 01 Bộ loa (gồm 02 loa đơn), trị giá 500.000đồng

- Quán sửa xe, diện tích: 62,4m^2, trị giá: 50.000.000đồng
- Sân lát gạch đỏ, diện tích 123,4m^2, trị giá 14.808.000đồng
- Mái sân, diện tích 61,2m^2, trị giá 15.300.000đồng
- Khu vực kho, nhà vệ sinh, diện tích 31,3m^2, trị giá 25.040.000đồng

- Khu vực chuồng trại sau nhà, diện tích 30m^2, trị giá 13.500.00đồng

- Cổng (trụ cổng + cánh cổng), trị giá 3.000.000đồng

- Lối bê tông từ cổng vào sân, diện tích 45m^2, trị giá 4.050.000đồng

- Hàng rào song sắt dài 9,34m, trị giá 4.203.000đồng

- Các cây cối trên đất gồm: 02 cây mít, phi 18cm, trị giá 250.000đ/01 cây x 02 cây = 500.000đồng; 01 cây mít phi 4cm trị giá 150.000đồng; 02 cây bưởi đường kính 10 cm/cây, trị giá 350.000đồng/cây x 02 cây = 700.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 15cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính 4cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây na đường kính 15cm, trị giá 300.000đồng; 01 cây khê đường kính 25cm, trị giá 300.000đồng

Ly hôn chị L đề nghị để anh S được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên; đồng thời anh S có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số nợ chung của vợ chồng. Còn anh S đề nghị được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên và thanh toán cho chị L 1/2 giá trị tài sản với số tiền 259.125.500đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị L, anh S đều xác nhận vợ chồng có những tài sản ở trên. Giao toàn bộ tài sản trên cho anh S sở hữu và sử dụng; Đồng thời anh S thanh toán cho chị L 1/2 giá trị tài sản với số tiền 259.125.500đồng là phù hợp.

[2.4]. Nghĩa vụ chung về tài sản:

Vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đều thống nhất vợ chồng còn nợ 02 khoản nợ gồm:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cẩm Khê – Phòng giao dịch Tsố tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2024 là 460.274 đồng, tổng cộng là 600.460.274 đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, diện tích 741,2m^2 (Trong đó có 287 m^2 đất ở và 454,2m^2 đất trồng cây lâu năm) và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số BQ 865672 do UBND huyện Cẩm Khê cấp ngày 01/10/2014 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu S.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê số tiền nợ gốc là 110.000.000đ, bao gồm 02 khoản: số tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay số 6600000720633867, hạn trả nợ 18/4/2026; số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay 6600000726562633, hạn trả nợ 18/10/2028. Tổng cộng tiền gốc là 110.000.000 và lãi đến ngày 30/9/2024 phải là 293.523đồng. Hàng tháng chị

Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đã thực hiện trả lãi theo quy định của Ngân hàng, quy ước của Ban quản L tổ tiết kiệm và vay vốn, không vi phạm gì.

Ly hôn chị L đề nghị anh S đã sở hữu và sử dụng tài sản chung của vợ chồng nên có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên. Còn anh S đề nghị chia mỗi người ½ khoản nợ

Đối với ngôi nhà cùng công trình phụ trên đất của chị L, anh S cũng như Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 242, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: khu D, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, diện tích 741,2m^2 (Trong đó có 287 m^2 đất ở và 454,2m^2 đất trồng cây lâu năm) và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số BQ 865672 do UBND huyện Cẩm Khê cấp ngày 01/10/2014 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu S đã thế chấp tại Ngân hàng và tài sản này giao cho S quản L, sử dụng. Cũng như như khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Cẩm Khê. Do đó cần giao cho anh S trực tiếp trả nợ số tiền này cho Ngân hàng.

Tổng số tiền nợ chung của chị L, anh S phải trả là 710.753.797đ (Bảy trăm mười triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Chị L có trách Nệm thanh toán tiền chênh lệch đối với khoản nợ chung của vợ chồng cho anh S là 355.376.898đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi tám đồng) là phù hợp.

Đối trừ thanh toán chênh lệch tài sản chung và chênh lệch công nợ chung thì chị L còn phải thanh toán cho anh S số tiền là: 96.251.398 đồng làm tròn 96.251.000 đồng(Chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S thống nhất xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh S đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền là 7.000.000đồng và không đề nghị gì.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản tương ứng với phần được hưởng.

Anh Nguyễn Hữu S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản tương ứng với phần được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, 37, 38, 51, 55, 58, 59, 60, 62, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 30/01/2022. Anh Nguyễn Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/5/2015, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S đều có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung:

Giao cho anh Nguyễn Hữu S được quyền sở hữu và sử dụng: 01 ngôi nhà, xây năm 2016, diện tích 121m^2. Nhà xây trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Khu 1 (nay là khu D), xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Được Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh Nguyễn Hữu S ngày 01/10/2014. Nguồn gốc thửa đất là của bố đẻ anh S là ông Nguyễn Hữu H và mẹ đẻ anh S là bà Hà Thị C cho riêng anh S. Trị giá ngôi nhà: 375.100.000đồng.

Trong nhà có các tài sản: 01 Tivi Samsung 43inch, trị giá 2.000.000đồng; 01 Tủ lạnh Samsung 480L, trị giá 4.000.000đồng; 01 Điều hòa Daikin 9000BTU, trị giá 3.000.000đồng; 01 Máy giặt Toshiba 10kg, trị giá 1.500.000đồng; 01 Bộ loa (gồm 02 loa đơn), trị giá 500.000đồng

- Quán sửa xe, diện tích: 62,4m^2, trị giá: 50.000.000đồng

- Sân lát gạch đỏ, diện tích 123,4m^2, trị giá 14.808.000đồng

- Mái sân, diện tích 61,2m^2, trị giá 15.300.000đồng

- Khu vực kho, nhà vệ sinh, diện tích 31,3m^2, trị giá 25.040.000đồng

- Khu vực chuồng trại sau nhà, diện tích 30m^2, trị giá 13.500.00đồng

- Cổng (trụ cổng + cánh cổng), trị giá 3.000.000đồng

- Lối bê tông từ cổng vào sân, diện tích 45m^2, trị giá 4.050.000đồng

- Hàng rào song sắt dài 9,34m, trị giá 4.203.000đồng

- Các cây cối trên đất gồm: 02 cây mít, phi 18cm, trị giá 250.000đ/01 cây x 02 cây = 500.000đồng; 01 cây mít phi 4cm trị giá 150.000đồng; 02 cây bưởi đường kính 10 cm/cây, trị giá 350.000đồng/cây x 02 cây = 700.000đồng; 01 cây nhãn đường kính 15cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính 4cm, trị giá 150.000đồng; 01 cây na đường kính 15cm, trị giá 300.000đồng; 01 cây khê đường kính 25cm, trị giá 300.000đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là: 518.251.000 đồng. (Theo bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Chị L được nhận số tiền 259.125.500 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) thanh toán chênh lệch về tài sản của anh Nguyễn Hữu S.

[4] Về nợ chung:

Giao cho anh Nguyễn Hữu S có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cẩm Khê – Phòng giao dịch Tsố tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2024 là 460.274 đồng, tổng cộng là 600.460.274 đồng. Duy trì Hợp đồng thế chấp số 202401051/HĐTC gồm 10 trang ngày 15/3/2024. Kể từ khi ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Hữu S phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê số tiền nợ gốc là 110.000.000đ, bao gồm 02 khoản: số tiền nợ gốc là 90.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay số 6600000720633867 đến ngày 30/9/2024 là 234.345đồng, hạn trả nợ 18/4/2026; số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, mã vay 6600000726562633 đến ngày 30/9/2024 là 59.178đồng, hạn trả nợ 18/10/2028. Tiếp tục duy trì 02 hợp đồng vay số 66600000720633867 và số 600000726562633. Kể từ khi ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Hữu S phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

Chị L có trách Nệm thanh toán tiền chênh lệch đối với khoản nợ chung của vợ chồng cho anh S là 355.376.898đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi tám đồng).

Đối trừ thanh toán chênh lệch tài sản chung và chênh lệch công nợ chung thì chị L còn phải thanh toán cho anh S số tiền là: 96.251.398 đồng làm tròn 96.251.000 đồng(Chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu S tự nguyện nộp, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; phải chịu 12.956.275 đồng (Mười hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) án phí chia tài sản chung. Tổng cộng: 13.031.275đ làm tròn 13.031.000đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004824 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị L còn phải nộp 12.731.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Anh Nguyễn Hữu S phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; phải chịu 12.956.275 đồng (Mười hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) án phí chia tài sản chung. Tổng cộng: 13.031.275đ làm tròn 13.031.000đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt D